

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **24/2018/HSST**

Ngày 10/4/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tấn Thành, Giám đốc kho bạc nhà nước huyện Tuy Phong
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam, Giáo viên hưu trí

Thư ký phiên tòa: ông Thanh Lê Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/HSST, ngày 15/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/HSST – QĐ ngày 26/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Văn A** (tên gọi khác: Quỳnh), sinh ngày 28.8.1999; Nơi sinh: tỉnh H Thuận; Nơi đăng ký HKTT: thôn 02, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở hiện nay: thôn 02, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Võ Văn B (đã chết) và mẹ: Trần Thị Ánh C; Anh, chị em ruột: có 01 người; Vợ, con: chưa có. Bị cáo không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại tại thôn 02, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người bị hại: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 14/02/2000; trú tại: thôn L1, xã L, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại: Nguyễn Dương Hoàng E, sinh năm 1995; Trú tại: V2, xã V1, huyện V, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1/ Lê Thanh F, sinh ngày 19/02/2000; Trú tại: thôn 03, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

2/ Trần Lê Thanh G, sinh ngày 06/6/2002; Trú tại: thôn 02, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của G: Trần Lê Thanh H, sinh năm 1978; Trú tại: thôn 02, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3/ Nguyễn Trung I, sinh năm 1999; Trú tại: thôn 01, xã R, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 27.9.2017 Võ Văn A, Nguyễn Trung I, Đặng Ngọc J, J1 và J2(không rõ lai lịch) đi chơi tại bãi biển R. Khi đi đến nhà nghỉ Minh Thư thuộc thôn 3, xã R, A nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Dayang, màu xanh, biển số 85R1-7959 của Trần Thị Mỹ D đang dựng bên hông nhà nghỉ Minh Thư có cắm sẵn chìa khóa ở cốp xe, A nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. A cùng với nhóm bạn đi về nhà của I ở thôn 1, xã R. A mượn xe mô tô của I chạy đến nhà nghỉ Minh Thư bỏ xe mô tô của I ở bên hông nhà nghỉ Minh Thư. A quan sát thấy xe mô tô biển số 85R1-7959 vẫn cắm chìa khóa ở cốp xe và không có người trong coi liền đi đến lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa xe mô tô biển số 85R1-7959 rồi dắt bộ xe mô tô đến khu vực đất trống ở thôn 1, xã R cách khu vực nhà nghỉ Minh Thư 500m cất giấu. A đi bộ quay lại nhà nghỉ Minh Thư để lấy xe mô tô của I thì thấy có nhiều người nên A đi bộ về nhà của A ở thôn 2, xã R. A lấy xe mô tô của A điều khiển chạy đến nhà nghỉ Minh Thư thì gặp Trần Lê Thanh G (em họ của A), A nhờ G lấy xe mô tô của I chạy về trả cho I. Tiếp tục, A gặp Lê Thanh F (bạn của A) đang cùng với D đi tìm xe mô tô của D. F hỏi A: “có nhìn thấy ai trộm cắp xe mô tô của D không”, A nói: “có thấy mà chỉ biết mặt chứ không biết tên”, F nhờ A tìm giùm xe mô tô của D, A đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày A đi đến tiệm internet Năm Quảng ở thôn 3, xã R gặp F nói: “đã nhờ người tìm được tìm được xe ” và nói F điện thoại cho D thông báo là A đã tìm được xe cho D và nhắn tin số điện thoại của A cho D, F đồng ý. D liền lấy số điện thoại của A đưa cho Nguyễn Dương Hoàng E (chủ xe mô tô biển số 85R1-7959), E điện thoại cho A xin chuộc lại xe thì A bảo E đưa từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đến khu vực UBND xã R, E đồng ý. A nói với F: “ông anh nói là xe bỏ ở khu vực gần nhà nghỉ Minh Thư”. A dẫn F đi lòng vòng ở khu vực gần nhà nghỉ Minh Thư tìm kiếm để cho F tin A không trộm cắp xe mô tô của D. Sau đó, A dẫn F đến vị trí cất giấu xe mô tô biển số 85R1-7959, A nói: “để A dắt xe mô tô của D đi”, F không đồng ý và nói: “để F dắt về nhà F cất chờ bạn của F xuống trả lại”. F dắt xe mô tô biển số 85R1-7959 đưa về nhà F ở thôn 3, xã R cất. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày E và Lê Văn Pháp (bạn của E) đi đến khu vực gần UBND xã R gặp A. Trong lúc, E và A đang nói chuyện trao đổi số tiền chuộc xe mô tô thì Pháp đi tìm xung quanh phát hiện xe mô tô biển số 85R1-7959 đang dựng ở trong nhà F nên trình báo cho Công an xã R. Công an xã R đã tiến hành thu giữ tại nhà của Lê Thanh F 01 xe mô tô hiệu Dayang, màu xanh biển số 85R1-7959.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 128/KL-HDDG ngày 28.9.2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy Phong kết luận:

01 xe mô tô hiệu Dayang loại xe nữ, màu xanh biển số 85R1-7959, số khung: DY100A-8011444, số máy: 150FM-8011444, hiện có vành đúc, thắng đĩa trị giá:

$6.000.000 \text{ đồng/chiếc} \times 60\% = 3.600.000 \text{ đồng.}$

Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Dayang, màu xanh biển số 85R1-7959 cho bị hại Trần Thị Mỹ D theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra Võ Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số 16/CT-VKS-TP ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Văn A từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Văn A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 16/CTVKS-TP, ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng hơn 16 giờ ngày 27.9.2017 tại thôn 3, xã R, huyện W. Do Võ Văn A đã lén lút, bí mật lấy cắp 01 xe mô tô hiệu Dayang, màu xanh biển số 85R1-7959 trị giá 3.600.000 đồng của Trần Thị Mỹ D để bán lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện thu giữ.

Do đó, cáo trạng số 16/CT-VKS-TP ngày 14/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố bị cáo Võ Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Võ Văn A là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam bị cáo đã chủ động, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô trị giá 3.600.000 đồng của Trần Thị Mỹ D để bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã xâm hại đến tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục tội phạm chung.

Đối với Lê Thanh F là người đã cất xe mô tô biển số 86R1-7959 cho A, do không biết tài sản trên do A trực tiếp trộm cắp và mục đích của F là đưa xe mô tô về nhà của F cất để chờ D xuống trả lại cho D nên không xem xét xử lý

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra bị cáo A đã khai báo thành khẩn, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 nên cũng cần xem xét, chiếu cố khi xử ký giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Văn A từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Dayang, màu xanh biển số 85R1-7959 cho bị hại Trần Thị Mỹ D theo quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Trần Thị Mỹ D và người được bị hại ủy quyền Nguyễn Dương A, E không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên phạt bị cáo Võ Văn A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

[2] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu Hồ sơ.

Đặng Thị Thu Trang